

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2025

V/v tranh chấp ly hôn và con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng;

2. Bà Nguyễn Thuỳ Trang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2024/TLST- HNGĐ, ngày 28/10/2024 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST – HN ngày 21/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đào Thị D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: anh Thái Văn Ú, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai khai nguyên đơn chị Đào Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **D** và anh **Ú** tự quen biết nhau, sau đó nảy sinh tình cảm, cả hai quyết định tiến tới hôn nhân, tuy không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại **UBND xã xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Sau khi chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cãi vã rất nhiều lần, cả hai không thể tìm được tiếng nói chung trong vấn đề tiền bạc, kinh tế trong gia đình gặp khó khăn, cuộc sống vợ chồng dần mất đi hạnh phúc. Cả hai cũng không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn. Chị **D** sống ly thân với anh **Ú** từ năm 2022 cho đến nay.

Hiện nay tình cảm không còn nên chị **Đào Thị D** yêu cầu ly hôn với anh **Thái Văn Ú**.

- Về con chung: chị **D** và anh **Ú** có 01 con chung tên **Thái Ngọc Khánh Q**, sinh ngày 21/12/2021. Chị **D** yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, (con đang sống với chị **D**), chị **D** không yêu cầu anh **Ú** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị **D** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Thái Văn Ú** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh **Ú** vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không đến phiên tòa là chưa chấp hành theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị **Đào Thị D** được ly hôn với anh **Thái Văn Ú**. Về con chung: Giao con chung tên **Thái Ngọc Khánh Q**, sinh ngày 21/12/2021 cho chị **D** chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị **D** không yêu cầu anh **Ú** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, tài sản chung: do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị **Đào Thị D** yêu cầu ly hôn với anh **Thái Văn Ú** là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **Thái Văn Ú** cư trú tại **xã A, huyện C** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh **Thái Văn Ú** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh **Ú** vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, tiến hành xét xử vắng mặt anh **Ú**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đào Thị D** và anh **Thái Văn Ú** chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xảy ra cãi vã rất nhiều lần, cả hai không thể tìm được tiếng nói chung trong vấn đề tiền bạc kinh tế trong gia đình, cuộc sống vợ chồng dần mất đi hạnh phúc, nên chị **D** và anh **Ú** sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Chị **D** không còn tình cảm với anh **Ú** nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy với nhau. Trong thời gian chung sống, chị **D** và anh **Ú** có nhiều mâu thuẫn do hai bên tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm về tiền bạc nên cả hai không còn chung sống với nhau, ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Thời gian sống ly thân không ai cố gắng để hàn gắn tình cảm, điều đó chứng tỏ rằng giữa chị **D** và anh **Ú** thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị **D** yêu cầu ly hôn với anh **Ú** là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **D** được ly hôn với anh **Ú**.

[2.2] Về con chung: chị **D** và anh **Ú** có 01 con chung tên **Thái Ngọc Khánh Q**, sinh ngày 21/12/2021, chị **D** yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn (con đang sống với chị **D**), chị **D** không yêu cầu anh **Ú** cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc chị **D** và anh **Ú** sống ly thân thì con chung do chị **D** chăm sóc nuôi dưỡng. Cuộc sống của cháu **Q** đã ổn định, chị **D** cũng chăm sóc cháu tốt, Do đó, để đảm bảo quyền lợi, và đảm bảo việc phát triển bình thường của cháu, nên giao **Thái Ngọc Khánh Q**, sinh ngày 21/12/2021 cho chị **D** nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù

hợp. Do chị **D** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị **D** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. chị **Đào Thị D** phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **Đào Thị Diễm** .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đào Thị D** được ly hôn với anh **Thái Văn Ú**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Thái Ngọc Khánh Q**, sinh ngày 21/12/2021 cho chị **Đào Thị D** chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn (cháu **Q** đang sống với chị **D**), chị **D** không yêu cầu anh **Ú** cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Thái Văn Ú** có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị **Đào Thị D** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Đào Thị D** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **Đào Thị D** đã nộp ngày 24/10/2024 theo biên lai số 00013667 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị **D** phải nộp.

5. Nguyên đơn chị **Đào Thị D** bị đơn anh **Thái Văn Ú** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Trần Thới, Cái Nước, Cà Mau

số 09/2020 ngày 20/01/2022;

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Lâm Hoàng Huynh